

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2025 HUYỆN THUẬN CHÂU - TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số: 1667/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				Thị trấn Thuận Châu	Xã Bán Lầu	Xã Bó Mười	Xã Bôn Phặng	Xã Chiềng Bôm	Xã Chiềng La	Xã Chiềng Ngâm	Xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pha	Xã Co Mạ	Xã Co Tông	Xã Ế Tông	Xã Liệp Tè	Xã Long Hẹ
A	B	C	D=1+2+...+28	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	70,64	14,09	2,14	0,03	0,30	1,89	2,34	5,56	0,54	2,63	1,34	0,91	0,10	2,40	2,16
	Trong đó:																
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	15,67	11,62	-	-	-	0,74	-	0,20	0,45	0,41	-	-	-	-	0,10
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	22,28	1,37	0,47	0,03	0,08	0,18	0,97	2,25	0,02	0,72	0,90	0,54	0,05	0,55	0,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	21,75	0,83	0,93	-	0,22	0,05	1,34	2,94	0,07	1,48	0,44	0,37	0,05	1,85	1,02
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	7,73	0,20	0,72	-	-	-	-	0,17	-	-	-	-	-	-	0,94
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	2,66	-	0,02	-	-	0,92	0,03	-	-	0,02	-	-	-	-	-
	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	1,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,55	0,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		9,93														
	Trong đó:																
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	9,93	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	80,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		0,10	0,05	-	-	-	-	-	-	-	-	0,05	-	-	-	-
	Trong đó:																
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	0,10	0,05	-	-	-	-	-	-	-	-	0,05	-	-	-	-
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

wet

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2025 HUYỆN THUẬN CHÂU - TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số: 1667/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				Xã Muối Nổi	Xã Mường Bám	Xã Mường É	Xã Mường Khiêng	Xã Nậm Lầu	Xã Nông Lay	Xã Pá Lóng	Xã Phông Lá	Xã Phông Ly	Xã Phông Lập	Xã Púng Tra	Xã Thôm Mòn	Xã Tông Cọ	Xã Tông Lạnh
A	B	C	D=1+2+...+28	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	70,64	0,04	0,05	7,47	0,29	1,87	16,14	0,06	0,53	1,91	3,09	0,46	0,72	0,14	1,44
	Trong đó:																
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	15,67	-	-	-	-	0,17	-	-	-	1,13	0,22	-	0,13	-	0,50
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	22,28	0,02	0,03	1,57	0,27	0,20	10,42	0,04	0,28	0,10	0,47	0,16	0,15	0,12	0,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	21,75	0,02	0,02	0,90	0,02	0,50	5,52	0,02	0,25	0,37	1,26	0,30	0,44	0,02	0,52
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	7,73	-	-	5,00	-	-	-	-	-	0,20	0,50	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	2,66	-	-	-	-	1,00	-	-	-	0,03	0,64	-	-	-	-
	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	1,00	-	-	-	-	1,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,55	-	-	-	-	-	0,20	-	-	0,08	-	-	-	-	0,20
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	-	9,93	-	-	-	-	-	-	-	9,93	-	-	-	-	-	-
	Trong đó:																
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	9,93	-	-	-	-	-	-	-	9,93	-	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	80,00	-	-	-	-	-	80,00	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	-	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó:																
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ut